

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/09/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P1+P6+AMD	7:25	1+12+9	0+0+0		1+7+14	0+0+0	
2		CLO+TD5+VSP01	7:25	17+0+5	0+0+0		13+0+9	0+0+0	CHUYEN 2 CLO- TD5
3		P9+RP2+RP3	7:25	9+6+6	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
4		P8+TD1	7:25	6+14	0+0		5+17	0+0	
5		AMD+PPD+CTK3	9:25	13+2+5	0+0+0		9+3+10	0+0+0	
6		CLO+BK6+PPD	9:25	2+0+20	0+0+0		0+1+21	0+0+0	CHUYEN 1 BK6- PPD
7		CLI+TD3+RP1	9:25	21+1+0	0+0+0		17+0+5	0+0+0	
8		BK16+CLI	11:25	5+17	0+0		0+22	0+0	
9		P4-TD5+PPD+RC5	11:25	0+5+11	0+0+0		2+0+20	0+0+0	SU CO TD5 DUA 5 AT RA GAP

TTĐĐSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 NGUOI RP3 VỀ BỜ ĐI P4 CHUYỂN CUỐI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/09/2020	TO: P1 - P6 - AMD	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Vận - VLinH - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TRUNG KIÊN	P1	41	1	5		70	PSV	Vietnamese
2	CHERNAVSKIY D S	P6	600	1	9	30	105	KH-THAC	Russian
3	PHƯƠNG VĂN MINH	P6	98-99	2	17		76	KH-THAC	Vietnamese
4	DUƠNG VĂN CUÔNG	P6	94	1	5	50	80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG HUY	P6	93	1	11		66	KH-THAC	Vietnamese
6	CÚ CHI CÔNG	P6	06	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC LONG	P6	91	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ ĐỨC TUYẾN	P6	92	1	6		85	XAYLAP	Vietnamese
9	TRƯỜNG MINH THẮNG	P6	87-88	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ ĐÌNH MINH	P6	89-90	2	15		52	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ ĐÌNH HOAN	P6	03,85	2	9		65	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN TUẤN VIỆT	P6	01-02	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC ĐĂNG	P6	86	1	19		71	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	18	1	6	30	64	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÀO CÔNG BÌNH	AMD	16-17	2	10		76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	93	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN LÂM	AMD	15	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ HỒNG THAI	AMD	14	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	13	1	16		88	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	21	1	5		87	KH-THAC	Vietnamese
21	TRƯỜNG LÊ ANH DŨNG	AMD	19-20	2	18		85	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN THỊN	AMD	22	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	1	1	5	70	0	1		
2	P6	12	17	158	866	80	7		
3	AMD	9	11	78	678	30	14		
TOTAL		22	29	241	1.614	110	22		
WEIGHT KG				241	1.614	110			

GRAND TOAL: 1.965 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: CLO - TD5 - VSP01	CREW: ATUẤN - HÙNG - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VOROBIEV S.L	CLO	25-26	2	5		95	KHOAN	Russian
2	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	31	1	6	17	75	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VĂN TRUNG	CLO	40	1	5	20	70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY NAM	CLO	38	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
5	VU MINH TU	CLO	28.	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẠU VĂN MINH	CLO	36	1	2		73	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN QUANG HUY	CLO	29	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	NG CHIẾN THẮNG-PVD	CLO	23	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN VĂN MẠNH-PVD	CLO	37	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	34-35	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
11	CAO VĂN VIỆT	CLO	39	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM NAM HAI	CLO	33	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN TRI	CLO	22	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ NGỌC LUÂN	CLO	21	1	9		66	KHOAN	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN KHUU	CLO	24	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN MẠNH	CLO	30	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG CÔNG THỊNH	CLO	27	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ VĂN NGỌC	VSP01	42	1	6		74	PSV	Vietnamese
19	PHẠM HUY ĐÀU	VSP01	45	1	5	45	67	PSV	Vietnamese
20	KIỀU VĂN TUẤN	VSP01	41	1	8		75	PSV	Vietnamese
21	HOÀNG PHƯƠNG NAM	VSP01	43-44	2	12		60	PSV	Vietnamese
22	ĐẠU CÔNG SAU	VSP01	46	1	5		81	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	17	19	106	1.222	37	13	+2	CHUYEN 02 PAX TU CLO SANG TD5
2	TD5	0	0	0	0	45	0		
3	VSP01	5	6	36	357	45	9		
TOTAL		22	25	142	1.579	127	22		
WEIGHT KG				142	1.579	127			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P9 - RP2 - RP3	CREW: VThắng - Mạnh - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TRIỆU	P9	40	1	5	21	70	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN LỘC	P9	48-49	2	17		57	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ ĐÌNH HIỆU	P9	46	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC MINH	P9	50	1	8		78	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI ĐÌNH THỌ	P9	44-45	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HIỆP	P9	51	1	5	25	84	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN QUYÊN	P9	41-42	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC THỂ	P9	43	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ HUY	P9	47	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ NGỌC TỬ	RP2	93	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC KHÔI	RP2	92	1	13		74	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	RP2	94-95	2	14	20	65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC HÙNG	RP2	91	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN TIỆP	RP2	96-97	2	14		76	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN KIM THANH	RP2	90	1	5		67	NIPI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THÀNH	RP3	54-55,500	3	15		50	BA SON	Vietnamese
17	ĐOÀN QUANG KHANH	RP3	98-99	2	17		55	BA SON	Vietnamese
18	HOÀNG NGỌC BÌNH	RP3	54	1	8	20	71	BA SON	Vietnamese
19	CAO ĐÌNH HIỆU	RP3	53	1	8	20	68	BA SON	Vietnamese
20	LÊ VĂN CHINH	RP3	55	1	7	17	57	BA SON	Vietnamese
21	ĐÌNH HOÀNG LONG	RP3	96-97	2	13		74	BA SON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	9	12	104	632	46	0		
2	RP2	6	8	62	423	20	4		
3	RP3	6	10	68	375	57	18		
TOTAL		21	30	234	1.430	123	22		
WEIGHT KG				234	1.430	123			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:43
FLIGHT: 4	TO: P8 - TD1	CREW: ĐỨC - MTHAO - Năm	ETA: 09:33
TRANG-1			

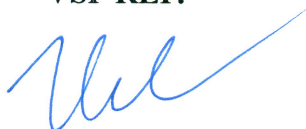
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ĐÌNH TUÂN	P8	19	1	6	20	60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	P8	20	1	3		65	PSV	Vietnamese
3	HA VĂN THIÊN	P8	18	1	7		70	PSV	Vietnamese
4	TRẦN MẠNH CUÔNG	P8	17	1	8		55	PSV	Vietnamese
5	LÊ TIẾN QUY	P8	16	1	8		67	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TÙNG	P8	21	1	8		73	PSV	Vietnamese
7	STESHIN V.B	TD1	22	1	11		160	KHOAN	Russian
8	NGUYỄN VĂN DỪNG	TD1	34	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN VIỆT HÙNG	TD1	27	1	10	18	70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	26	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN NGUYỄN	TD1	21	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ VĂN NAM*PK-PVD	TD1	31	1	2		76	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ NGUYỄN GIÁP*PK-PVD	TD1	20	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	MAI ANH TUÂN	TD1	33	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ MẠNH HẢI	TD1	32	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
16	TRỊNH CAO TRỌNG	TD1	25	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	23	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	LUÔNG HÙNG TRIẾT	TD1	30	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ HẢI NGÂN	TD1	29	1	11		56	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD1	24	1	8		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

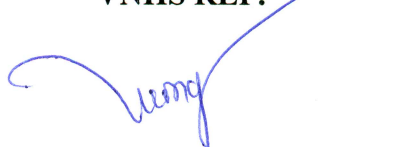
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	6	6	40	390	20	5		
2	TD1	14	14	93	1.053	18	17		
TOTAL		20	20	133	1.443	38	22		
WEIGHT KG				133	1.443	38			

GRAND TOAL: 1.614 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/09/2020	TO: AMD - PPD - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Vận - VLinH - HIẾU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN SƠN	AMD	40	1	6	45	65	KH-THAC	Vietnamese
2	THAI NGUYỄN HAI VI	AMD	36	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	33	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG THÀNH	AMD	35	1	10	31	68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG KIẾN	AMD	34	1	11		94	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THANH HÙNG	AMD	29-31	3	20		57	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH CƯ	AMD	27-28	2	20		64	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HÙNG	AMD	32	1	10		66	PSV	Vietnamese
9	LÊ QUỐC THUẬN	AMD	39	1	3		68	PSV	Vietnamese
10	LÊ VĂN THIÊN	AMD	37	1	9		66	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	AMD	25	1	3		55	PSV	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TRUNG	AMD	38	1	5		65	PSV	Vietnamese
13	PHẠM TUẤN THANH	AMD	26	1	5		77	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG QUYẾT	PPD	89-91	3	18		60	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN QUAN	PPD	62	1	10		73	CODIEN	Vietnamese
16	DINH MANH DUC	CTK3				40	70	SAN BAY	Vietnamese
17	BUI VĂN BÁC	CTK3	37	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
18	KOSTIKIN	CTK3	39	1	18		120	NIPI	Russian
19	FESENKO	CTK3	38	1	6		76	NIPI	Russian
20	BAMBUROV	CTK3	40	1	8		99	KH-THAC	Russian
21	HOANG VAN THANH	CTK3	43	1	10		75	SAN BAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	13	16	114	898	76	9		
2	PPD	2	4	28	133	0	3		
3	CTK3	6	5	46	494	40	10		
TOTAL		21	25	188	1.525	116	22		
WEIGHT KG				188	1.525	116			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	TO: CLO - BK6 - PPD	CREW: HUNG - KHOAN - Toan	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIEU TUAN ANH	CLO	41-42	2	13	5	71	CUC ĐKVI	Vietnamese
2	TÔ HỮU THẮNG	CLO	43	1	8	40	83	CUC ĐKVI	Vietnamese
3	HOANG HUU TRONG	PPD	63	1	10	76	67	CODIEN	Vietnamese
4	PHAM HOANG GIANG	PPD	46	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VAN THANG	PPD	53	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN QUY	PPD	59	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC VIET	PPD	45	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC DU	PPD	64	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN HAI	PPD	58	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
10	VÔ MẠU MÊN	PPD	60	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG ĐÌNH TIẾN	PPD	51	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ NGỌC HAI	PPD	55	1	12		92	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN TÂN	PPD	50	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH HẢI	PPD	62	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ VIỆT ANH	PPD	52	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN THANH QUANG	PPD	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	56	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
18	TÔ HIẾN THÀNH	PPD	48-49	2	14		55	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯƠNG TUAN HUNG	PPD	61	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN BA	PPD	54	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN NHÂN	PPD	65	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	57	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	2	3	21	154	45	0		CHUYEN 1 PAX BK6 SANG PPD
2	BK6	0	0	0	0	45	1+1		
3	PPD	20	21	118	1.444	76	21		
TOTAL		22	24	139	1.598	166	22		
WEIGHT KG				139	1.598	166			

GRAND TOAL: 1.903 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	TO: CLI - TD3	CREW: VThắng - Mạnh - Luy	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHERNYSHEV	CLI	67	1	7		112	KH-THAC	Russian
2	DOKUCHAEV	CLI	56-57	2	12		105	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN HẰNG HAI	CLI	55	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI NGỌC THIẾT	CLI	58	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ANH VIỆT	CLI					69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC SƠN	CLI	52	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ MINH TIẾN	CLI	62	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
8	HUỖNH TRỌNG KIM	CLI	64	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC NGHI	CLI	60	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN ĐOÀN	CLI					77	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔ QUỐC THỊNH	CLI	53-54	2	15		57	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH LONG	CLI	61	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG QUỐC VIỆT	CLI	51	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN TUỆ	CLI	65	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN NHÂN	CLI	50	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	CLI	63	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
17	MAI PHÚC LINH	CLI	49	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN DŨ	CLI	66	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH VĂN HOÀNG	CLI	59	1	10		53	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI NGUYỄN QUANG	CLI	69	1	7	14	74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT HÒA	CLI	68	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ PHÚ PHÚC	TD3	92-93	2	10	100	73	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	21	21	120	1.529	14	17		
2	TD3	1	2	10	73	100	5		
TOTAL		22	23	130	1.602	114	22		
WEIGHT KG				130	1.602	114			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/09/2020	TO: BK16 - CLI	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Vận - N.Anh - DTùng	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN DUC	BK16	57	1	10	75	78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC TRI	BK16	30	1	11	50	72	KH-THAC	Vietnamese
3	VU CHI CONG	BK16	26	1	9		52	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM THAI SON	BK16	58	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TAM	BK16	56	1	14		82	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG NHẬT MINH	CLI	09	1	3	55	80	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM TRỌNG TUÂN	CLI	05	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CLI	11	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN THIÊN PHƯỚC	CLI	08	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN MINH ĐỨC	CLI	04	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN KHANH	CLI	10	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG VĂN TUYẾN	CLI	06	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ ĐÌNH QUANG	CLI	13	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	CLI	18-19	2	11		98	KH-THAC	Vietnamese
15	ZASUKHA	CLI	12	1	14		95	ANTOAN	Russian
16	VUÔNG VĂN THỐNG	CLI	14-16	3	14		60	YTE	Vietnamese
17	LƯU QUÝ TRUNG	CLI	17	1	4		71	PSV	Vietnamese
18	ĐOÀN VĂN DŨ	CLI	03	1	5		67	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀNG ANH	CLI	02	1	3		64	PSV	Vietnamese
20	BUI NGỌC TÂN	CLI	01	1	3		64	PSV	Vietnamese
21	PHAN THANH NAM	CLI	07	1	12		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	5	5	53	359	125	0		
2	CLI	16	19	127	1.182	55	22		
TOTAL		21	24	180	1.541	180	22		
WEIGHT KG				180	1.541	180			

GRAND TOAL: 1.901 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/09/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:35
FLIGHT: 09	TO: P4 - TD5 - PPD - RC5	CREW: HÙNG - KHOÀN - Huy	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH THANH LAM	P4	62	1	10		72	D-HANH	Vietnamese
2	PHAM XUAN HUNG	P4	63	1	7		80	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN THANH HAI	P4	65	1	5	50	50	PSV	Vietnamese
4	LE HUU LONG	P4	63	1	5		59	PSV	Vietnamese
5	HOANG VINH PHU	TD5	63	1	7		73	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THANH TUNG	TD5	64	1	10		65	ANTOAN	Vietnamese
7	LE XUAN HAI	TD5	62	1	6		66	ANTOAN	Vietnamese
8	BAEV	TD5	90	1	6		85	ANTOAN	Russian
9	VU VAN DUC	TD5	60	1	5		67	ANTOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN PHONG	PPD	86-87	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH BINH	PPD	83	1	9		87	KH-THAC	Vietnamese
12	PHUNG BA DE	PPD	79	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
13	DIU QUOC CHINH	PPD	80	1	10	22	69	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HANH	PPD	73-74	2	16	10	53	CODIEN	Vietnamese
15	DO VIET LONG	PPD	72	1	8		60	CODIEN	Vietnamese
16	LUU VAN DAN	PPD	84	1	10		60	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN DOAN	PPD	76	1	10		99	CODIEN	Vietnamese
18	PHAM NGOC PHUONG	PPD	71	1	7	40	75	CODIEN	Vietnamese
19	LE QUANG NINH	PPD	75	1	10		66	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN MINH VIEN	PPD	81-82	2	11		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	4	4	27	261	50	0		
2	TD5	5	5	34	356	0	0		
3	PPD	11	14	108	776	72	20		
4	RC5	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	23	169	1.393	122	22		
WEIGHT KG				169	1.393	122			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN